

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**
Số: 237/2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đô Lương, ngày 22 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 242/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm 5, xã L, huyện Đ, tỉnh N

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Y, sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm 5, xã L, huyện Đ, tỉnh N

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Y

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Anh, sinh ngày 21/7/2003 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 02/4/2012. Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Y thoả thuận như sau: Giao cho Anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung Nguyễn Văn A, sinh ngày 21/7/2003 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 02/4/2012 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Lê Thị Y

Chị Lê Thị Y được quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung và các khoản nợ chung : Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Y tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Áp dụng điều 147 BLTTDS năm 2015, Điều 25 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Anh Nguyễn Văn T thỏa thuận nộp 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005395 ngày 07/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương. Tuyên trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Đại

